

ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA GIỮA HKI - SINH HỌC 10

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Cho các nhận định sau đây về tế bào:

- (1) Tế bào chỉ được sinh ra bằng cách phân chia tế bào.
- (2) Tế bào là nơi diễn ra mọi hoạt động sống.
- (3) Tế bào là đơn vị cấu tạo cơ bản của cơ thể sống.
- (4) Tế bào có khả năng trao đổi chất theo phương thức đồng hóa và dị hóa.
- (5) Tế bào có một hình thức phân chia duy nhất là nguyên phân.

Có mấy nhận định **đúng** trong các nhận định trên?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 2: Cho các ý sau:

- (1) Tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc.
- (2) Là hệ kín, có tính bền vững và ổn định.
- (3) Liên tục tiến hóa.
- (4) Là hệ mở, có khả năng tự điều chỉnh.
- (5) Có khả năng cảm ứng và vận động.
- (6) Thường xuyên trao đổi chất với môi trường.

Trong các ý trên, có mấy ý là đặc điểm của các cấp độ tổ chức sống cơ bản?

- A. 5. B. 3. C. 4. D. 2.

Câu 3: Trong các ý trên, có mấy ý là đặc điểm của các cấp độ tổ chức sống cơ bản?

- A. 5. B. 3. C. 4. D. 2.

Câu 4: Đặc tính quan trọng nhất đảm bảo tính bền vững và ổn định tương đối của tổ chức sống là

- A. trao đổi chất và năng lượng. B. sinh sản.
C. sinh trưởng và phát triển. D. khả năng tự điều chỉnh và cân bằng nội môi.

Câu 5: Thế giới sống không ngừng tiến hóa trên cơ sở nào?

- A. Di truyền DNA qua các thế hệ. B. Biến dị tổ hợp.
C. Phát sinh biến dị và chọn lọc tự nhiên. D. Chọn lọc nhân tạo.

Câu 6: Đặc điểm của các nguyên tố vi lượng là

- A. chiếm tỉ lệ nhỏ hơn 0,01% khối lượng chất khô của cơ thể.
B. chỉ cần thiết ở giai đoạn phát triển cơ thể.
C. cấu tạo nên các đại phân tử hữu cơ.
D. là những nguyên tố không có trong tự nhiên.

Câu 7: Cơ thể chỉ cần các nguyên tố vi lượng với một lượng rất nhỏ là vì

- A. phần lớn nguyên tố vi lượng đã có trong các hợp chất tế bào.
B. chức năng chính của nguyên tố vi lượng là hoạt hóa các enzyme.
C. nguyên tố vi lượng đóng vai trò thứ yếu đối với cơ thể.
D. nguyên tố vi lượng chỉ cần cho một vài giai đoạn sinh trưởng nhất định của cơ thể.

Câu 8: Các chuyên gia dinh dưỡng luôn khuyên tất cả mọi người phải tăng cường ăn rau xanh. Vai trò quan trọng trong việc ăn rau xanh là

- A. chống các bệnh về tim mạch và cao huyết áp.
B. giúp cơ thể tiêu hóa thức ăn được tốt hơn.
C. cung cấp vitamin và các nguyên tố vi lượng.
D. tiết kiệm về mặt kinh tế vì rau xanh có giá rẻ.

Câu 9: Thiếu một lượng nhỏ iodine chúng ta có thể bị mắc bệnh gì?

- A. Viêm amidan. B. Bướu cổ. C. Đau họng. D. Còi xương.

Câu 10: Thiếu một lượng Fe trong cơ thể, chúng ta có thể bị mắc bệnh gì?

- A. Thiếu máu. B. Bướu cổ. C. Giảm thị lực. D. Còi xương.

Câu 11: Trong các vai trò sau, nước có những vai trò nào đối với tế bào?

- (1) Môi trường khuếch tán và vận chuyển các chất.
- (2) Môi trường diễn ra các phản ứng hóa sinh.

(3) Nguyên liệu tham gia phản ứng hóa sinh.

(4) Tham gia cấu tạo và bảo vệ các cấu trúc của tế bào.

(5) Cung cấp năng lượng cho tế bào hoạt động.

A. (1),(2),(3),(4).

B. (1),(2),(3),(5).

C. (1),(3),(4),(5).

D. (2),(3),(4),(5).

Câu 12. Ngoài chức năng bài tiết chất thải thì hiện tượng ra mồ hôi ở cơ thể người và động vật còn có ý nghĩa

A. giải phóng nhiệt.

B. giảm trọng lượng của cơ thể.

C. giải phóng nước.

D. giải phóng năng lượng ATP.

Câu 13. Thuật ngữ dùng để chỉ tất cả các loại đường là

A. tinh bột.

B. cellulose.

C. đường.

D. carbohydrate.

Câu 14. Người ta dựa vào đặc điểm nào sau đây để chia carbohydrate ra thành ba loại là đường đơn, đường đôi và đường đa?

A. khối lượng của phân tử.

B. độ tan trong nước.

C. số loại đơn phân có trong phân tử.

D. số lượng đơn phân có trong phân tử.

Câu 15. Loại đường nào sau đây không phải là đường 6 carbon?

A. Glucose.

B. Fructose.

C. Galactose

D. Deoxyribose.

Câu 16 Cho các ý sau:

(1) Có vị ngọt.

(2) Dễ tan trong nước.

(3) Dễ lên men bởi vi sinh vật.

(4) Cấu tạo bởi các đơn phân theo nguyên tắc đa phân.

(5) Chứa 3-7 carbon.

Trong các ý trên có bao nhiêu ý là đặc điểm chung của đường đơn?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Câu 17. Galactose có nhiều trong đâu?

A. Mật ong.

B. Quả chín.

C. Sữa động vật.

D. Động vật.

Câu 18. Đường mía (saccharose) là loại đường đôi được cấu tạo bởi

A. hai phân tử glucose.

B. một phân tử glucose và một phân tử fructose.

C. hai phân tử fructose.

D. một phân tử glucose và một phân tử galactose.

Câu 19. Trong cấu trúc của polysaccharide, các đơn phân được liên kết với nhau bằng loại liên kết

A. phosphodiester.

B. peptide.

C. cộng hóa trị.

D. glycosidic.

Câu 20. Cho các ý sau:

(1) Cấu tạo theo nguyên tắc đa phân.

(2) Khi bị thủy phân thu được glucose.

(3) Có thành phần nguyên tố gồm: C, H, O.

(4) Có công thức tổng quát: $(C_6H_{10}O_5)_n$.

(5) Tan trong nước.

Trong các ý trên có mấy ý là đặc điểm chung của polysaccharide?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Câu 21. Cellulose được cấu tạo bởi đơn phân là

A. glucose

B. fructose.

C. glucose và fructose.

D. saccharose.

Câu 22. Cho các nhận định sau:

(1) Cellulose tham gia cấu tạo màng tế bào.

(2) Glycogen là chất dự trữ của cơ thể động vật và nấm.

(3) Glucose là nguyên liệu chủ yếu cho hô hấp tế bào.

(4) Chitin cấu tạo bộ xương ngoài của côn trùng.

(5) Tinh bột là chất dự trữ trong cây.

Trong các nhận định trên có bao nhiêu nhận định **đúng** với vai trò của carbohydrate trong tế bào và cơ thể?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Câu 23. Điều nào dưới đây **không** đúng về sự giống nhau giữa carbohydrate và lipid?

A. Cấu tạo từ các nguyên tố C, H, O.

B. Là nguồn dự trữ và cung cấp năng lượng cho tế bào.

C. Cấu tạo theo nguyên tắc đa phân.

D. Đường và lipid có thể chuyển hóa cho nhau.

Câu 24. Một phân tử phospholipid có cấu tạo bao gồm

A. 1 phân tử glycerol và 1 phân tử acid béo.

B. 1 phân tử glycerol liên kết với 2 phân tử acid béo và 1 nhóm phosphate.

C. 1 phân tử glycerol và 3 phân tử acid béo 1 nhóm phosphate.

D. 3 phân tử glycerol và 3 phân tử acid béo.

Câu 25. Chức năng **chính** của lipid là gì?

A. Dự trữ năng lượng cho tế bào và cơ thể.

B. Thành phần chính cấu tạo nên màng sinh chất.

C. Thành phần cấu tạo nên một số loại hormon.

D. Thành phần cấu tạo nên các bào quan.

Câu 26. Câu nào sau đây **sai** khi nói về đặc điểm của protein?

A. Là sản phẩm cuối cùng của gene tham gia thực hiện nhiều chức năng khác nhau trong cơ thể.

B. Protein cấu tạo theo nguyên tắc đa phân, mỗi đơn phân là một amino acid.

C. Tính đa dạng và đặc thù của protein quy định bởi sự sắp xếp của 22 loại amino acid.

D. Các loại amino acid khác nhau ở gốc R.

Câu 27. Khi nói về protein, phát biểu nào sau đây là **đúng**?

A. Protein được cấu tạo theo nguyên tắc đa phân và nguyên tắc bổ sung.

B. Protein được cấu tạo từ 1 hoặc nhiều chuỗi polypeptide.

C. Protein mang thông tin quy định tính trạng trên cơ thể sinh vật.

D. Protein được tổng hợp dựa trên khuôn mẫu của rARN.

Câu 28. Cho các nhận định sau:

(1) Cấu trúc bậc 1 của phân tử protein là chuỗi polypeptide.

(2) Cấu trúc bậc 2 của phân tử protein là chuỗi polypeptide ở dạng co xoắn hoặc gấp nếp.

(3) Cấu trúc không gian bậc 3 của phân tử protein gồm hai hay nhiều chuỗi polypeptide kết hợp với nhau.

(4) Cấu trúc không gian bậc 4 của phân tử protein là chuỗi polypeptide ở dạng xoắn hoặc gấp nếp tiếp tục co xoắn.

(5) Khi cấu trúc không gian ba chiều bị phá vỡ, phân tử protein không thực hiện được chức năng sinh học. Có bao nhiêu nhận định **đúng** với các bậc cấu trúc của phân tử protein?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Câu 29. Hiện tượng nào sau được gọi là biến tính của protein?

A. Khối lượng của protein bị thay đổi.

B. Liên kết peptide giữa các acid amin của protein bị thay đổi.

C. Trình tự sắp xếp của các acid amin bị thay đổi.

D. Cấu hình không gian của protein bị thay đổi.

Câu 30. Protein nào dưới đây có chức năng tiêu diệt mầm bệnh và bảo vệ cơ thể ?

A. Protein vận hormon.

B. Protein enzym.

C. Protein kháng thể.

D. Protein vận động.

Câu 31. DNA có chức năng gì?

A. Dự trữ và cung cấp năng lượng cho tế bào.

B. Cấu trúc nên màng tế bào, các bào quan.

C. Tham gia và quá trình chuyển hóa vật chất trong tế bào

D. Lưu trữ và truyền đạt thông tin di truyền.

Câu 32. Tế bào nhân sơ có đặc điểm nào sau đây?

A. Kích thước nhỏ, chưa có nhân hoàn chỉnh, có nhiều bào quan.

B. Kích thước nhỏ, chưa có nhân hoàn chỉnh, có rất ít bào quan.

C. Kích thước nhỏ, có nhân hoàn chỉnh, có rất ít bào quan.

D. Kích thước nhỏ, có nhân hoàn chỉnh, có nhiều bào quan.

Câu 33. Tế bào nhân sơ có kích thước nhỏ nên

A. trao đổi chất nhanh nhưng sinh trưởng và sinh sản kém.

B. trao đổi chất, sinh trưởng và sinh sản nhanh.

C. trao đổi chất chậm dẫn đến sinh trưởng và sinh sản kém.

D. trao đổi chất chậm nhưng lại phát triển và sinh sản rất nhanh

Câu 34. Biết rằng S là diện tích bề mặt, V là thể tích tế bào. Vi khuẩn có kích thước nhỏ nên tỷ lệ S/V lớn. Điều này giúp cho vi khuẩn

A. dễ dàng biến đổi trước môi trường sống.

B. dễ dàng tránh được kẻ thù, hóa chất độc.

C. dễ dàng trao đổi chất với môi trường.

D. dễ dàng gây bệnh cho các loài vật chủ.

Câu 35. Vùng nhân của tế bào vi khuẩn có đặc điểm:

A. gồm một phân tử DNA xoắn kép, dạng vòng.

B. gồm một phân tử DNA mạch thẳng, xoắn kép.

C. gồm một phân tử DNA liên kết với protein.

D. gồm một phân tử DNA dạng thẳng, đơn.

Câu 36. Tế bào chất của tế bào nhân sơ có chứa cấu trúc nào sau đây?

A. Các bào quan có màng bao bọc.

B. Ribosome và các hạt dự trữ.

C. Bộ khung xương tế bào.

D. Hệ thống nội màng.

Câu 37. Màng tế bào của tế bào nhân sơ có vai trò gì?

A. Bảo vệ và quy định hình dạng tế bào.

B. Nơi diễn ra các phản ứng trao đổi chất.

C. Thực hiện quá trình trao đổi chất.

D. Mang thông tin di truyền quy định đặc điểm của tế bào.

Câu 38. Vùng nhân của tế bào nhân sơ làm nhiệm vụ nào sau đây?

A. Bảo vệ và quy định hình dạng tế bào.

B. Nơi diễn ra các phản ứng trao đổi chất.

C. Thực hiện quá trình trao đổi chất.

D. Mang thông tin di truyền quy định đặc điểm của tế bào

Câu 39. Thành tế bào vi khuẩn cấu tạo từ:

A. cellulose.

B. polysaccharide.

C. chitin.

D. peptidoglycan.

Câu 40. Các thành phần **không** bắt buộc cấu tạo nên tế bào nhân sơ?

A. Vỏ nhầy, thành tế bào, roi, lông.

B. Vùng nhân, tế bào chất, roi, lông.

C. Vùng nhân, tế bào chất, màng sinh chất, roi.

D. Màng sinh chất, thành tế bào, vỏ nhầy, vùng nhân.

Câu 41. Cho các ý sau đây:

(1) Không có màng nhân.

(2) Không có nhiều loại bào quan.

(3) Không có hệ thống nội màng.

(4) Không có thành tế bào bằng peptidoglycan.

Có bao nhiêu ý **đúng** về đặc điểm chung của tế bào nhân sơ?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 41. Sự khác nhau của hai nhóm vi khuẩn G- và G+ là ở đặc điểm nào sau đây?

A. Thành peptidoglycan.

B. Màng sinh chất.

C. Tế bào chất.

D. Vật chất di truyền.

Câu 42. Khi nói về tế bào nhân sơ, có bao nhiêu phát biểu sau đây là **đúng**:

I. Tế bào nhân sơ chưa có nhân hoàn chỉnh và đã xuất hiện 1 số bào quan có màng bao bọc.

II. Vùng nhân của tế bào nhân sơ chỉ chứa 1 phân tử DNA dạng vòng duy nhất.

III. Tỷ lệ diện tích bề mặt trên thể tích càng lớn, quá trình trao đổi chất giữa tế bào và môi trường càng chậm.

IV. Thiếu plasmid, tế bào nhân sơ vẫn có thể sinh trưởng bình thường.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 43. Trong y học, dùng phương pháp xét nghiệm nhằm phân biệt được hai nhóm vi khuẩn Gram âm và Gram dương với mục đích gì?

A. Chọn được loại vi khuẩn đem ứng dụng trong kỹ thuật di truyền.

- B. Để biết cách kết hợp các phương pháp điều trị.
- C. Sử dụng phương pháp hóa trị liệu phù hợp.
- D. Sử dụng các loại thuốc kháng sinh đặc hiệu để tiêu diệt từng loại vi khuẩn gây bệnh.

Câu 44. Màng sinh chất của tế bào ở sinh vật nhân thực được cấu tạo bởi

- A. Các phân tử protein và nucleic acid.
- B. Các phân tử phospholipide và nucleic acid.
- C. Các phân tử protein và phospholipid.
- D. Các phân tử protein.

Câu 45. Màng sinh chất là một cấu trúc khảm động là vì

- A. được cấu tạo bởi nhiều loại chất hữu cơ khác nhau.
- B. phải bao bọc xung quanh tế bào.
- C. gắn kết chặt chẽ với khung tế bào.
- D. các phân tử cấu tạo nên màng có thể di chuyển trong phạm vi màng.

Câu 46. Cholesterol có chức năng gì trong màng sinh chất?

- A. Tạo nên các lỗ nhỏ trên màng giúp hình thành nên các kênh vận chuyển qua màng.
- B. Tăng tính ổn định cho màng.
- C. Tăng độ linh hoạt tổng mô hình khảm động.
- D. Tiếp nhận và xử lý thông tin truyền đạt vào tế bào.

Câu 47. Tế bào của cùng 1 cơ thể có thể nhận biết nhau và nhận biết các tế bào “lạ” là nhờ

- A. các protein thụ thể.
- B. “dấu chuẩn” là glycoprotein.
- C. mô hình khảm động.
- D. roi và lông tiêm trên màng.

Câu 48. Tế bào chất ở sinh vật nhân thực chứa

- A. Các bào quan không có màng bao bọc.
- B. Chỉ chứa ribôxôm và nhân tế bào.
- C. Chứa bào tương và nhân tế bào.
- D. Hệ thống nội màng, các bào quan có màng bao bọc và khung xương tế bào.

Câu 49. Cho các phát biểu sau:

- (1) Không có thành tế bào bao bọc bên ngoài.
- (2) Có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.
- (3) Trong tế bào chất có hệ thống các bào quan.
- (4) Có hệ thống nội màng chia tế bào chất thành các xoang nhỏ.
- (5) Nhân chứa các nhiễm sắc thể (NST), NST lại gồm DNA và protein.

Các phát biểu nói về đặc điểm chung của tế bào nhân thực là

- A. (2), (3), (4).
- B. (1), (2), (3), (5).
- C. (2), (3), (4), (5).
- D. (1), (3), (4), (5).

Câu 50. Vì sao gọi là tế bào nhân thực?

- A. Vì có hệ thống nội màng.
- B. Vì vật chất di truyền là ADN và Protein.
- C. Vì nhân có kích thước lớn.
- D. Vì vật chất di truyền có màng nhân bao bọc.

Câu 51. Thành tế bào thực vật không có chức năng nào sau đây?

- A. Bảo vệ, chống sức trương của nước làm vỡ tế bào.
- B. Quy định khả năng sinh sản và sinh trưởng của tế bào.
- C. Quy định hình dạng, kích thước của tế bào.
- D. Giúp các tế bào ghép nối và liên lạc với nhau bằng cầu sinh chất.

Câu 52. Hình dạng của tế bào động vật được duy trì ổn định nhờ cấu trúc

- A. lưới nội chất.
- B. khung xương tế bào.
- C. chất nền ngoại bào.
- D. bộ máy Golgi.

Câu 53. Lưới nội chất hạt trong tế bào nhân thực có chức năng nào sau đây?

- A. Bao gói các sản phẩm được tổng hợp trong tế bào.
- B. Tổng hợp protein tiết ra ngoài và protein cấu tạo nên màng tế bào.
- C. Sản xuất enzym tham gia vào quá trình tổng hợp lipid.
- D. Chuyển hóa đường và phân hủy chất độc hại đối với cơ thể.

Câu 54. Nhân của tế bào nhân thực **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Nhân được bao bọc bởi lớp màng kép.
- B. Nhân chứa chất nhiễm sắc gồm DNA liên kết với protein.
- C. Màng nhân có nhiều lỗ nhỏ để trao đổi chất với ngoài nhân.
- D. Nhân chứa nhiều phân tử DNA dạng vòng.

Câu 55. Bộ máy Golgi có cấu trúc như thế nào?

- A. Một chồng túi màng dẹp thông với nhau.
- B. Một hệ thống ống dẹp xếp cạnh nhau thông với nhau.
- C. Một chồng túi màng dẹp xếp cạnh nhau nhưng tách rời.
- D. Một chồng túi màng và xoang dẹp thông với nhau.

Câu 56. Trong cơ thể người, tế bào có lưới nội chất hạt phát triển mạnh nhất là tế bào

- A. Hồng cầu.
- B. Bạch cầu.
- C. Biểu bì.
- D. Cơ.

Câu 57. Những bộ phận nào của tế bào tham gia việc vận chuyển một protein ra khỏi tế bào?

- A. Lưới nội chất hạt, bộ máy Gôngi, túi tiết, màng tế bào.
- B. Lưới nội chất trơn, bộ máy Golgi, túi tiết, màng tế bào.
- C. Bộ máy Golgi, túi tiết, màng tế bào.
- D. Ribosome, bộ máy Golgi, túi tiết, màng tế bào.

Câu 58. Nhân điều khiển mọi hoạt động trao đổi chất của tế bào bằng cách nào?

- A. Ra lệnh cho các bộ phận, các bào quan ở trong tế bào hoạt động.
- B. Thực hiện tự nhân đôi DNA và nhân đôi NST để tiến hành phân bào.
- C. Điều hòa sinh tổng hợp protein, protein sẽ thực hiện các chức năng.
- D. Thực hiện phân chia vật chất di truyền một cách đồng đều cho tế bào con.

Câu 59. Loại bào quan giữ chức năng cung cấp nguồn năng lượng chủ yếu của tế bào là?

- A. Ribosome.
- B. Bộ máy Golgi.
- C. Lưới nội chất.
- D. Ti thể.

Câu 60. Trong dịch nhân có chứa

- A. ti thể và tế bào chất.
- B. tế bào chất và chất nhiễm sắc thể.
- C. chất nhiễm sắc và nhân con.
- D. nhân con và mạng lưới nội chất.

Câu 61. Cấp độ tổ chức của thế giới sống là

- A. các cấp tổ chức trên cơ thể.
- B. các đơn vị cấu tạo nên thế giới sống.
- C. các cấp tổ chức dưới cơ thể.
- D. các đơn vị cấu tạo nên cơ thể sống.

Câu 62. Tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể vì

- A. mọi cơ thể sống đều được cấu tạo từ tế bào và tế bào có chức năng sinh sản.
- B. tế bào là đơn vị có kích thước nhỏ nhất và tế bào có chức năng sinh sản.
- C. tế bào là đơn vị có kích thước nhỏ nhất và mọi hoạt động sống của cơ thể đều được thực hiện nhờ sự hoạt động của tế bào.
- D. mọi sinh vật sống đều được cấu tạo từ tế bào và các hoạt động sống của cơ thể đều diễn ra trong tế bào.

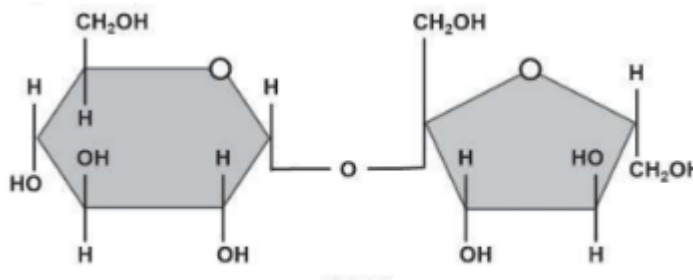
Câu 63. Tất cả các tổ chức sống đều là hệ mở vì

- A. thường xuyên có khả năng tự điều chỉnh, tiến hóa, thích nghi
- B. có khả năng sinh sản, cảm ứng và vận động.
- C. thường xuyên biến đổi và liên tục biến hóa.
- D. thường xuyên trao đổi chất và năng lượng với môi trường.

Câu 64. Trong điều kiện bình thường, dầu thực vật tồn tại ở trạng thái lỏng vì dầu thực vật

- A. được cấu tạo từ các acid béo no.
- B. được cấu tạo từ các acid béo không no.
- C. có thành phần chủ yếu là glycerol.
- D. có thành phần chủ yếu là acid béo.

Câu 65. Cho biết hình ảnh sau đây mô tả phân tử nào?



- A. Protein B. Saccharose C. DNA D. Phospholipid

Câu 66. Thành phần nào chỉ có ở tế bào thực vật mà không có ở tế bào động vật?

- A. Màng sinh chất. B. Lục lạp. C. Ti thể. D. Nhân.

Câu 67. Đặc điểm nào sau đây là điểm khác biệt quan trọng nhất giữa tế bào nhân thực và tế bào nhân sơ?

- A. Tế bào có kích thước lớn, trung bình khoảng 10 – 100nm.
 B. Nhân có màng bọc, ngăn cách với tế bào chất bên ngoài.
 C. Các bào quan trong tế bào đều có màng bao bọc.
 D. Mỗi bào quan có cấu trúc đặc trưng và thực hiện chức năng nhất định.

Câu 68. Protein **không** có chức năng nào sau đây?

- A. Cấu tạo nên tế bào và cơ thể.
 B. Xúc tác các phản ứng sinh hoá trong tế bào.
 C. Lưu trữ và truyền đạt thông tin di truyền.
 D. Bảo vệ cơ thể chống lại các tác nhân gây bệnh.

Câu 69. Bào quan ribosome **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Làm nhiệm vụ tổng hợp protein.
 B. Được cấu tạo bởi hai thành phần chính là rRNA và protein.
 C. Có cấu tạo gồm một tiểu phần lớn và một tiểu phần bé.
 D. Được bao bọc bởi màng kép phospholipid.

Câu 70. Cho các phát biểu sau:

1. A liên kết với T bằng 2 liên kết hydrogen và ngược lại.
2. Có 4 loại đơn phân cấu trúc nên phân tử DNA là A, T, G, C.
3. DNA được cấu tạo từ 2 chuỗi polynucleotide song song và cùng chiều.
4. Hai chuỗi polynucleotide liên kết với nhau bằng liên kết phosphodiester.
5. DNA ở sinh vật nhân thực hầu hết có cấu trúc dạng không vòng.

Những phát biểu **đúng** khi nói về cấu trúc của phân tử DNA là

- A. 1, 2, 3, 4. B. 1, 2, 4, 5. C. 1, 2, 5. D. 1, 3, 5.

TỰ LUẬN

Câu 1. Khi chế biến salad, việc trộn dầu thực vật vào rau sống có tác dụng gì đối với sự hấp thu chất dinh dưỡng? Giải thích?

Câu 2. Tại sao chúng ta nên bổ sung protein cho cơ thể từ nhiều loại thức ăn khác nhau mà không nên chỉ ăn một vào loại thức ăn dù những loại đó rất bổ dưỡng?

Câu 3. Vì sao DNA là trợ thủ đắc lực trong giám định dấu vết tội phạm?

Câu 4. Vì sao tơ tằm, sừng hươu, thịt gà, trứng đều có bản chất là prôtêin nhưng chúng lại khác nhau về rất nhiều đặc tính?

Câu 5. Tại sao nói màng sinh chất có tính thẩm chọn lọc và điều này có ý nghĩa gì đối với tế bào?

Câu 6. Tại sao khi cấy ghép mô từ người này sang người kia thì cơ thể người nhận có thể xảy ra hiện tượng đào thải mô được ghép?